|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** |

**HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

**VŨ QUANG HUY**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng**

**Mã số : 62.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Hà Nội - 2016**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI**

**HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**1. TS. Bùi Tín Nghị**

**2. PGS.TS. Nguyễn Trọng Tài**

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

***Phản biện 3:***

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Học viện v*ào hồi giờ ngày tháng năm 2016 tại Học viện Ngân hàng.*

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia

- Thư viện Học viện Ngân hàng

**MỞ ĐẦU**

**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Hoạt động kinh doanh ngân hàng luôn chứa đựng nhiều rủi ro, nó tiềm ẩn trong tất cả các nghiệp vụ kinh doanh. Đối tượng kinh doanh của ngân hàng là tiền tệ, loại hàng hóa đặc biệt nhạy cảm với rủi ro, tính dễ lây lan rủi ro giữa các ngân hàng với nhau. Ngân hàng muốn tồn tại và phát triển bền vững, các ngân hàng phải có năng lực quản lý rủi ro, nếu không sẽ khó có thể tồn tại kinh doanh trên thị trường. Đặc biệt, đối với rủi ro thanh khoản, là rủi ro xảy ra khi ngân hàng không kiểm soát tốt tình trạng thanh khoản, là một trong những rủi ro đặc biệt nguy hiểm có thể gây lên hàng loạt những tác hại nghiêm trọng cho hoạt động ngân hàng như giảm năng lực tài chính, giảm uy tín ngân hàng, gây những tác động dây truyền đến cho hoạt động khác do ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và thậm chí có thểdẫn đến phá sản ngân hàng mặc dù tiềm năng của Ngân hàng vẫn là rất lớn.

Thanh khoản được hiểu là khả năng đáp ứng tức thời nhu cầu rút tiền ra khỏi ngân hàng tại bất cứ thời điểm nào với mức chi phí thấp nhất. Một ngân hàng hoạt động trong tình trạng tốt, nhưng rất có thể xảy ra đổ vỡ nếu không quản lý thanh khoản tốt. Nếu không có phương pháp quản lý thanh khoản khoa học cũng như năng lực quản lý tốt để có kế hoạch dự trữ thanh khoản hợp lý, thì rất dễ gây sự xáo động tâm lý của người gửi tiền. Sự kiện rút tiền ồ ạt tại một số NHTM cổ phần là hồi chuông cảnh tỉnh cho công tác quản lý thanh khoản ở tất cả các NHTM ở Việt Nam.

Một thực tế hiện nay các NHTM ở Việt Nam đều đã nhận thấy tầm quan trọng của quản lý rủi ro thanh khoản, tuy nhiên phương pháp thực hiện vẫn còn nhiều bất cập và chưa theo kịp trình độ công nghệ, trình độ quản lý của hệ thống ngân hàng hiện đại, công tác quản trị ngân hàng và công tác quản lý rủi ro thanh khoản vẫn còn một số tồn tại nhất định, môi trường kinh tế còn chưa ổn định, việc thực hiện quản lý thanh khoản đang ngày càng khó khăn trước xu hướng phát triển và yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Bên cạnh việc đối mặt với những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của cả hệ thống ngân hàng là xu thế cạnh tranh ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt, nền kinh tế gặp những bất ổn về mặt vĩ mô, dẫn đến huy động vốn tăng trưởng chậm hơn so với tăng trưởng tín dụng, đặc biệt khi nợ xấu còn tồn đọng nhiều, rủi ro tín dụng từ bất động sản còn tăng thì hệ thống NHTM cũng gặp nhiều khó khăn mang tính chủ quan, kinh nghiệm quản lý rủi ro thanh khoản từng thời điểm bộc lộ những hạn chế nhất định khiến tình hình thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam biến động và suy giảm. Để công tác quản lý rủi thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế hiện hành, đặc biệt trong điều kiện hệ thống NHTM Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng với quốc tế, khả năng phải đối mặt với những rủi ro trong đó có RRTK ngày càng cao hơn thì quản lý rủi ro thanh khoản là một vấn đề mang tính cốt yếu trong hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Xuất phát từ thực tế trên, nhằm nghiên cứu một cách hệ thống, đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao năng lực quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài: ***“Quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam”*** làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế.

**2. Tình hình nghiên cứu**

Trên thế giới, đã có rất nhiều nghiên cứu liên quan đến từng nội dung, liên quan đến đề tài về quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro thanh khoản tuy nhiên các tài liệu liên quan trực tiếp đến mảng quản lý RRTK của hệ thống các NHTM được công bố trên thế giới chưa nhiều. Các tác giả đại diện cho những nghiên cứu về vấn đề này có: Tiểu ban Quản lý rủi ro của Ủy ban Basel đã ban hành các Thông lệ tốt nhất về quản lý khả năng thanh khoản của các ngân hàng; Gianfranco A. Vento and Pasquale La Ganga (2009 với nghiên cứu về “ Bank Liquidity Risk management and Supervision: Wich Lessons from Recent Maket Turmoil?” phân tích các kỹ thuật đo lường RRTK và phương pháp giám sát thanh khoản; Van Den End (2009, 2010) đưa ra một mô hình ST kết hợp chặt chẽ với những quy định về thanh khoản của Basel III, đặc biệt là hai biến LCR và NSFR; Perter Rose (2011); Rudolf Duttweiler (2010) “ Quản lý thanh khoản trong ngân hàng” đã nghiên cứu quá trình thiết lập các yếu tố thuộc về cấu trúc cho một khuôn khổ quản lý thanh khoản hiệu quả, đến các mô hình sử dụng trong khuôn khổ giám sát đối với công tác quản lý thanh khoản nhằm đánh giá tính hợp lý của những khái niệm và quy trình được nêu ra vượt qua các quy định về giám sát và pháp lý. Ngoài ra, các tổ chức như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) cũng có một số bài nghiên cứu liên quan đến đề tài. Về các nghiên cứu tại Việt Nam, các đề tài nghiên cứu liên quan đến RRTK, quản lý RRTK, các công cụ của NHNN liên quan đến RRTK của từng NHTM hoặc các NHTM đã được quan tâm nghiên cứu nhiều. Tuy nhiên, liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý RRTK của hệ thống NHTM thì còn rất ít.

Tóm lại, trên thế giới và tại Việt Nam, các nghiên cứu về quản lý RRTK của hệ thống NHTM còn hạn chế và chưa được hệ thống hóa cũng như kiểm chứng một cách đầy đủ và toàn diện, các nghiên cứu chưa đưa ra sự khác biệt về khái niệm RRTK, quản lý RRTK trên phương diện NHTM. Vì vậy luận án lựa chọn tập trung vào hệ thống hóa lý luận liên quan đến công tác quản lý RRTK trên phương diện của NHTM, đồng thời nghiên cứu việc thực hiện công tác này tại NHTM Việt Nam nhằm nâng cao năng lực quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam.

**3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

3.1. Hệ thống cơ sở lý luận về rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM, bao gồm tìm hiểu các khái niệm và đặc điểm rủi ro thanh khoản, các loại rủi ro thanh khoản, nguyên nhân, hậu quả của rủi ro thanh khoản với hệ thống ngân hàng thương mại. Nghiên cứu kinh nghiệm về quản lý rủi ro thanh khoản tại một số Ngân hàng trên thế giới rút ra bài học kinh nghiệm cho hệ thống NHTM Việt Nam.

3.2. Phân tích thực trạng tình hình thanh khoản, rủi ro thanh khoản và quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống NHTM Việt Nam.

3.3. Đề xuất các giải pháp cũng như kiến nghị nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

* *Đối tượng nghiên cứu:* Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản tại NHTM.
* *Phạm vi nghiên cứu*: Đề tài luận án chỉ tập trung nghiên cứu quản lý rủi ro thanh khoản tại các NHTM đơn lẻ thuộc hệ thống NHTM Việt Nam giai đoạn 2007 đến 2015 dựa trên báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam và của NHNN, không nghiên cứu về quản lý rủi ro thanh khoản dưới góc độ vĩ mô và rủi ro thanh khoản hệ thống của toàn bộ hệ thống các NHTM Việt Nam.

**5. Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

- Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu trên, luận án sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu so sánh, quy nạp vấn đề. Trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để xem xét, đánh giá và làm sáng tỏ các vấn đề thực tiễn, rút ra những điểm chủ yếu cần được giải quyết để đề xuất giải pháp, kiến nghị phù hợp với thực tiễn.

- Ngoài ra, luận án còn sử dụng phương pháp thống kê thu thập số liệu từ báo cáo tài chính của NHTM, báo cáo thường niên của NHTM dưới dạng bảng số liệu excel, vẽ đồ thị và tính các hệ số tương quan giữa các biến ngẫu nhiên.

**6. Những đóng góp của đề tài**

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu và hoàn chỉnh về Quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam. Đặc biệt đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính làm rõ hơn các luận cứ khoa học.

**7. Kết cấu của Luận án**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận án được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam.

**CHƯƠNG 1****: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN** **CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**1.1. TỔNG QUAN VỀ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**1.1.1. Khái niệm rủi ro thanh khoản**

1.1.1.1. Thanh khoản

Dưới góc độ tài sản: Thanh khoản được hiểu là khả năng chuyển hóa tài sản thành tiền.

Dưới góc độ Ngân hàng: Thanh khoản được hiểu là khả năng Ngân hàng đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, như chi trả tiền gửi, cho vay, thanh toán và các giao dịch tài chính khác.

1.1.1.2. Rủi ro thanh khoản

Có nhiều khái niệm về RRTK tuỳ góc độ tiếp cận khác nhau của các nhà nghiên cứu. Theo quan điểm của tác giả: Rủi ro thanh khoản là những tổn thất tiềm năng về tài chính, thương hiệu có thể xảy ra do Ngân hàng không có khả năng hoặc không có đủ năng lực thực hiện nghĩa vụ chi trả và thanh toán một cách đầy đủ và đúng hạn theo cam kết. Rủi ro thanh khoản là tổn thất về tài chính của NHTM để khắc phục tình trạng mất khả năng chi trả, khả năng thanh toán của ngân hàng.

**1.1.2. Các loại rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM**

- Theo cấu trúc có thể chia RRTK thành 4 nhóm: RRTK rút tiền trước hạn, RRTK có kỳ hạn: điều kiện thanh khoản đúng hợp đồng, RRTK tài trợ, RRTK thị trường.

- Theo nguồn gốc dẫn tới RRTK, RRTK được chia thành 3 nhóm: RRTK từ bên tài sản Nợ, RRTK từ bên tài sản Có, RRTK từ hoạt động ngoại bảng.

**1.1.3. Những dấu hiệu nhận biết RRTK với hệ thống NHTM: Thứ nhất**, ngân hàng bị mất uy tín trên thị trường. **Thứ hai,** về sự biến động giá cổ phiếu của ngân hàng. **Thứ ba**, ngân hàng tăng lãi suất huy động lên cao bất thường. **Thứ tư**, ngân hàng chịu lỗ từ việc bán tài sản. **Thứ năm,** có sự suy giảm khả năng đáp ứng yêu cầu vay vốn. **Thứ sáu**, ngân hàng buộc phải vay vốn từ NHTW và/hoặc từ thị trường liên ngân hàng với quy mô lớn và lãi suất cao. **Thứ bảy**, tiền gửi của dân cư bị rút ra nhiều hơn hoặc có sự gia tăng của tiền gửi có kỳ hạn bị rút ra trước hạn.

**1.1.4. Nguyên nhân gây ra rủi ro thanh khoản**

1.1.4.1. Nhóm nguyên nhân khách quan:Sự mất ổn định kinh tế vĩ mô; Sự nhạy cảm của lãi suất; Nhu cầu thanh khoản của khách hàng ngày càng cao; Năng lực dự báo của các nhà chức trách tiền tệ yếu.

1.1.4.2. Nhóm nguyên nhân chủ quan:Tăng trưởng tín dụng quá mức so với nguồn vốn; Nắm giữ các tài sản kém linh hoạt, chất lượng kém; Sự bất cập về cơ cấu kỳ hạn của tài sản Có và tài sản Nợ; Mức độ tập trung tiền gửi cao, cấu trúc tiền gửi kém ổn định; Khả năng tiếp cận thị trường kém; Hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ kém; NHTM bị suy giảm niềm tin từ công chúng.

**1.1.5. Hậu quả của rủi ro thanh khoản**

1.1.5.1. Hậu quả của RRTK đối với NHTM

Khi RRTK xảy ra thì NHTM thường sẽ phải gánh chịu những tác động rất tiêu cực về phí tổn cũng như uy tín của ngân hàng. Cụ thể:(i) NHTM sẽ phải chấp nhận những phí tổn cao để có được nguồn cung thanh khoản đáp ứng nhu cầu thanh khoản đang căng thẳng. (ii) NHTM sẽ bị sụp đổ nếu nhu cầu thanh khoản không được đáp ứng khẩn cấp.

1.1.5.2. Hậu quả của RRTK đối với khách hàng của NHTM: ***Thứ nhất,*** nhu cầu rút tiền của khách hàng thường là những nhu cầu chính đáng. ***Thứ hai****,* trong nhãn quan của khách hàng thì NHTM luôn là tổ chức có năng lực tài chính tốt, vì vậy, một khi NHTM không đáp ứng được những nhu cầu rút tiền của khách hàng, thì người ta sẽ có cách nhìn nhận trái ngược.

1.1.5.3. Hậu quả của RRTK đối với nền kinh tế - xã hội

**1.2. QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NHTM**

**1.2.1. Khái niệm quản lý rủi ro thanh khoản**

Quản lý RRTK là quá trình nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ những nguy cơ về việc ngân hàng không đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nhu cầu thanh khoản cho khách hàng.

*Quản lý RRTK là việc lập kế hoạch nhằm xác định những nguy cơ RRTK chủ yếu, từ đó xây dựng các kế hoạch phòng chống hay giảm thiểu những tác động bất lợi từ RRTK có thể gây ra, góp phần tạo ra các chiến lược kinh doanh hiệu quả hơn.* Mục tiêu của quản lý thanh khoản là bảo vệ khả năng tài chính của Ngân hàng và duy trì khả năng vượt qua mọi khó khăn trên thị trường tài chính.

**1.2.2. Sự cần thiết phải quản lý RRTK tại các NHTM: *Thứ nhất***,có sự đánh đổi giữa thanh khoản và khả năng sinh lời. ***Thứ hai***, nếu như RRTK xảy ra sẽ để lại những hậu quả vô cùng to lớn, mức độ nhẹ nhất là giảm thu nhập, uy tín thương hiệu bị sụt giảm, nghiêm trọng nhất là NHTM bị phá sản. ***Thứ ba*,** trong các trường hợp đặc biệt, RRTK có thể đẩy NHTM vào tình trạng mất khả năng thanh toán và khi đó ngân hàng sẽ đối mặt với nguy cơ bị phá sản, bị bán hoặc sát nhập.

**1.2.3. Nội dung quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống NHTM**

1.2.3.1. Tổ chức quản lý RRTK trong hệ thống NHTM

- Mục tiêu của quản lý RRTK: (i) Đảm bảo khả năng chi trả kịp thời với chi phí hợp lý; (ii) Dự báo các nguy cơ RRTK và những tổn thất có thể có nếu rủi ro phát sinh.

- Thiết lập bộ máy quản lý RRTK trong hệ thống NHTM.

Quản trị rủi ro tại NHTM hiện đại nên được tổ chức theo mô hình “3 lớp phòng vệ”.

1.2.3.2. Nhận biết dấu hiệu RRTK: sự gia tăng tập trung của tài sản Có và Tài sản Nợ; tốc độ tăng của các khoản vay lớn hơn tốc độ tốc độ tăng của các khoản tiền gửi; chất lượng tín dụng giảm sút; Chi phí tài trợ vốn trên thị trường tăng; Sự tập trung vào các nguồn tài trợ vốn trên thị trường bán buôn.

1.2.3.3. Đo lường RRTK: với nhiều phương pháp áp dụng khác nhau.

1.2.3.4. Kiểm soát tình trạng thanh khoản: được thông qua quy trình tổng quá về RRTK.

1.2.3.5. Phòng ngừa RRTK: các nhà quản lý NH thường áp dụng 3 chiến lược cụ thể: chiến lược dữ trữ; chiến lược huy động và Chiến lược quản lý RRTK kết hợp.

1.2.3.6. Lập kế hoạch ứng phó với RRTK

**1.2.4. Chính sách và công cụ quản lý RRTK của NHTW đối với NHTM**

- NHTW quy định về quản trị RRTK tại các NHTM.

- Các quy định cụ thể bao gồm: Tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ dự trữ thanh khoản; tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày; tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn; giới hạn tín dụng; tỷ lệ dư nợ trên tổng tiền gửi; giới hạn góp vốn mua cổ phần; tỷ lệ vốn tự có trên tổng tài sản có rủi ro..Ngoài ra, NHTW còn bắt buộc các NHTM phải ban hành các quy định nội bộ về quản lý RRTK.

- NHTW quyết định sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ để quản lý RRTK của các NHTM như: *Dự trữ bắt buộc; tái cấp vốn; lãi suất; tỷ giá; nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ khác nhau.*

- Các mô hình đo lường RRTK của hệ thống NHTM: mô hình kiểm tra độ căng thẳng (Stress test) và mô hình cảnh báo sớm căng thẳng thanh khoản đối với hệ thống NHTM.

**1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý RRTK trong hệ thống NHTM**.

1.2.5.1. Nhóm nhân tố chủ quan:

1.2.5.2. Nhóm nhân tố khách quan:

**1.3. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.**

**1.3.1. Kinh nghiệm quản lý RRTK trong hệ thống ngân hàng một số quốc gia trên thế giới trong các năm vừa qua**

1.3.1.1. Kinh nghiệm quản lý RRTK của NHTW một số quốc gia trên thế giới

a. *Quản lý rủi ro thanh khoản ở hệ thống các NHTM Nga năm 2004.*

b. *Quản lý* [*rủi*](http://diendan.vfpress.vn/tags/r%E1%BB%A7i+ro/) *ro*[*thanh khoản*](http://diendan.vfpress.vn/tags/thanh+kho%E1%BA%A3n/)*ở ngành Ngân hàng Anh - Thảm hoạ Northern Rock Bank*

c. *Ngân hàng Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Federal ReserveSystem -Fed)*

1.3.1.2. Kinh nghiệm quản lý RRTK trong nội bộ các NHTM trên thế giới

a.*Deustche Bank – CHLB Đức*

b*. Quản lý RRTK tại Lloyds Banking Group - Anh.*

c. *Quản lý RRTK tại HSBC*

-  *Mục tiêu quản lý RRTK của HSBC:* Tất cả các nghĩa vụ mà HSBC đã cam kết cấp vốn và các yêu cầu rút tiền gửi phải được đáp ứng khi đến hạn.

*- Chính sách quản lý RRTK của HSB:* Có 2 điểm nổi bật trong chính sách quản lý RRTK của HSBC: Chính sách quản lý RRTK phải phù hợp với từng thị trường cụ thể; Các Chi nhánh và Văn phòng phải chủ động quản lý RRTK của chính mình.

*- Quy trình quản lý RRTK của HSBC như sau:* Lên kế hoạch dự báo các luồng tiền vào và ra của các đồng tiền mạnh. Điều chỉnh các tỉ lệ thanh khoản trên bảng cân đối theo các quy định bắt buộc và các quy định trong nội bộ. Duy trì một danh mục đa dạng các nguồn cung thanh khoản, trong đó, có các phương án dự phòng. Quản lý hồ sơ các khoản nợ, đặc biệt là thời điểm đáo hạn của các khoản nợ lớn. Lên kế hoạch trả nợ. Quản lý hồ sơ những người gửi tiền, điều chỉnh sự tập trung của các nguồn tiền gửi, tránh bị phụ thuộc quá mức vào một số khách hàng gửi tiền lớn. Lập các báo cáo dự phòng và lên các kế hoạch thực hiện nghĩa vụ tài chính trong trường hợp RRTK xảy ra.

**1.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra đối với các NHTM Việt Nam**

Qua việc nghiên cứu khái quát RRTK và quản lý RRTK trong hệ thống ngân hàng tại một số nước, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam như sau: ***Thứ nhất****,* RRTK là nguy cơ mang tính chất thường trực trong hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng. ***Thứ hai,*** RRTK không chỉ có nguyên nhân từ sự yếu kém trong hoạt động quản lý RRTK của từng NHTM, mà nó còn chịu sự chi phối bởi hàng loạt các yếu tố nằm ngoài hệ thống ngân hàng, nhất là các nhân tố liên quan đến chính sách tiền tệ của NHTW. ***Thứ ba*,** trong quản lý RRTK nội bộ của từng NHTM, thì vai trò của một bộ máy quản lý RRTK hợp lý và hiệu quả là vô cùng quan trọng. ***Thứ tư,*** cần có một khung quản lý RRTK toàn diện với hệ thống chính sách đồng bộ và phát triển. ***Thứ năm,*** công tác báo cáo, kiểm tra giám sát thường xuyên, định kỳ là không thể thiếu. ***Thứ sáu,*** sử dụng các công cụ đo lường và theo dõi RRTK, tính toán chính xác nhu cầu, khả năng thanh toán.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Chương 1 của Luận án tác giả đi sâu vào tìm hiểu tổng quan về rủi ro thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại với những khái niệm và đặc điểm rủi ro thanh khoản, loại rủi ro thanh khoản, những biểu hiện, nguyên nhân và hậu quả của rủi ro thanh khoản.

Hệ thống hóa các nội dung về quản lý rủi ro thanh khoản với 6 nội dung cụ thể là: Tổ chức quản lý RRTK, Nhận biết RRTK, Đo lường RRTK, Kiểm soát RRTK, Phòng ngừa RRTK, Lập kế hoạch ứng phó RRTK. Chỉ ra quản lý giám sát RRTK trong hệ thống ngân hàng thương mại của NHTW thường thông qua các công cụ chính sách tiền tệ; các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống NHTM.

Bên cạnh đó, luận án cũng nêu một số trường hợp RRTK của một số các Ngân hàng trên thế giới với các thực trạng RRTK, giải pháp và chính sách của NHTW (Nga, Mỹ và Anh) đã áp dụng để xử lý RRTK các NHTM trong khủng hoảng tài chính trong các giai đoạn từ 2004 đến 2009 và kinh nghiệm quản lý RRTK của một số ngân hàng nước ngoài như HSBC ở Anh, Lloyds Banking Group ở Anh, Deustche Bank ở Đức đã quản lý RRTK thành công, từ đó rút ra được 6 bài học kinh nghiệm về quản lý RRTK với hệ thống NHTM Việt Nam.

**CHƯƠNG 2****: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN** **CỦA HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM**

**2.1. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM**

Với thời gian trên 30 năm thực hiện quá trình đổi mới kinh tế, hệ thống ngân hàng đã có sự phát triển vượt bậc, đóng góp những vai trò to lớn đối với những thành tựu về kinh tế - xã hội những năm qua**.**

Cuối năm 2015, với những vụ sát nhập, tái cấu trúc được tiến hành theo đề án tái cấu trúc của ngân hàng nhà nước với 9 NHTM cổ phần yếu kém và ngoài ra ĐaiABank tự nguyện sát nhập với HDBank, MDB tự nguyện sát nhập với MaritimeBank, Southern Bank sát nhập vào Sacombank, MHB sát nhập vào BIDV và NHNN mua lại 3 NHTMCP (VNCB, Oceabank và GPBank) làm cho số lượng NHTM cổ phần càng giảm mạnh.Việc mở cửa thị trường trong nước đã làm gia tăng tỷ lệ sở hữu của nước ngoài trong các NHTM Việt Nam.

Số liệu đến 31/12/2015 liên quan đến tốc độ tăng trưởng Tổng tài sản có, vốn tự có, vốn điều lệ so với thời điểm cuối năm trước liền kề. Vốn tự có, vốn điều lệ tiếp tục tăng.

Với thị phần tín dụng lớn được hình thành từ trước và tốc độ tăng trưởng tương đối cao, tổng tài sản của khối NHTMNN vẫn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của toàn bộ hệ thống ngân hàng mặc dù khối NHTMCP đã phát triển rất mạnh trong những năm gần đây.

Chất lượng Nợ của hệ thống ngân hàng bước đầu được cải thiện, áp lực về suy giảm năng lực tài chính cũng giảm, tín dụng cho nền kinh tế có xu hướng tăng 6 tháng đầu năm 2015, tín dụng tăng trưởng 7,83% so với cuối năm 2014, tăng 18,98% so với cùng kỳ. Kết quả kinh doanh của hệ thống ngân hàng Việt Nam được đo lường thông qua các hệ số ROA và ROE.

**2.2. THỰC TRẠNG RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM (2007 -2015)**

**2.2.1. Thực trạng rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam (2007-2015)**

2.2.1.1. Chỉ số trạng thái tiền mặt.

2.2.1.2. Chỉ số chứng khoán thanh khoản.

2.2.1.3. Chỉ số năng lực cho vay (Dư nợ/Tổng tài sản Có).

2.2.1.4. Chỉ số Dư nợ/ Tiền gửi Khách hàng.

2.2.1.5. Hệ số an toàn Vốn tối thiểu (CAR).

2.2.1.6. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR).

2.2.1.7. Tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn.

2.2.1.8. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản:

2.2.1.9. Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày.

**2.2.2.** **Nguyên nhân rủi ro thanh khoản tại các NHTM Việt Nam**

2.2.2.1. Nguyên nhân khách quan: Sự thay đổi của lãi suất có thể tác động đến cả người gửi tiền và người vay vốn. Chính sách kinh tế vĩ mô. Xuất phát từ phía khách hàng.

2.2.2.2. Nguyên nhân chủ quan của NHTM:Chiến lược quản trị rủi ro thanh khoản của các NHTM không phù hợp và kém hiệu quả. Các NHTM mất cân đối về kỳ hạn giữa nguồn vốn và sử dụng vốn. Tăng trưởng tín dụng nóng, chất lượng tài sản có kém, đặc biệt tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ tái cơ cấu còn đang tiếp tục triển khai. Cạnh tranh không lành mạnh của các NHTM. Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của các NHTM yếu kém. Ảnh hưởng từ một số nhà lãnh đạo NHTM cổ phần vi phạm quy định pháp luật về cho vay và đầu tư, sở hữu chéo, lợi ích nhóm trong hoạt động ngân hàng. Quy mô vốn điều lệ của NHTM Việt Nam còn nhỏ bé.

**2.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**2.3.1. Các văn bản pháp lý liên quan đến RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam**

2.3.1.1. Danh mục các văn bản pháp lý do Quốc hội, Chính phủ ban hành

2.3.1.2. Danh mục các văn bản pháp lý do NHNN Việt Nam ban hành: Nhóm văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến quy định bảo đảm an toàn trong hoạt động Ngân hàng. Nhóm văn bản chính sách, quy định của NHNN cho vay bù đắp thiếu hụt thanh khoản. Nhóm văn bản quy định về mô hình tổ chức, bộ máy quản trị rủi ro ở NHTM.

Hệ thống văn bản pháp lý của Việt Nam về thanh khoản khá đầy đủ, đồng bộ, tiếp cận được theo các chuẩn mục quốc tế và khá phù hợp với thực tế của Việt Nam. Hê thống văn bản pháp lý về thanh khoản đã tạo ra được khung pháp lý chặt chẽ, định hướng và kiểm soát hoạt động của NHTM an toàn. Tuy nhiên, quá trình tổ chức triển khai thực hiện các NHTM còn bất cập do thông tin thiếu minh bạch, công tác thanh tra giám sát, tuân thủ pháp luật của thanh tra NHNN kiểm toán nội bộ các NHTM còn hạn chế. Nên chưa phát hiện, xử lý chính xác , đầy đủ kịp thời các vi phạm của NHTM, dẫn đến rủi ro thanh khoản của một số NHTM đã phát sinh được nêu ra tại mục 2.2 thực trạng rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam.

2.3.2. Nội dung khuôn khổ pháp lý hiện hành về quản lý rủi ro thanh khoản đối với NHTM Việt Nam

2.3.2.1. Về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)

2.3.2.2. Về tỷ lệ khả năng chi trả

2.3.2.3. Về quản lý, xử lý việc khi không đảm bảo các tỷ lệ khả năng chi trả

2.3.2.4. Về tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn

2.3.3. Tổ chức quản lý RRTK trong hệ thống NHTM Việt Nam

Tổ chức quản lý RRTK trong hệ thống NHTM Việt Nam:Về tổ chức hệ thống quản lý RRTK; Chính sách, quy trình, thủ tục quản lý RRTK đã được ban hành khá cụ thể, chi tiết.

Mô hình tổ chức quản lý RRTK ở một số NHTM Việt Nam:Quản lý RRTK tại ACB; Quản lý RRTK tại MaritimeBank; Quản lý RRTK tại MBBank; Quản lý RRTK tại BIDV; Quản lý RRTK tại AgriBank.

Nhìn chung, hệ thống NHTM Việt Nam với 35 NHTM đã có chủ động về việc quản lý RRTK, tuy nhiên về mặt tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn có nhiều sự khác biệt, một số NHTM có Phòng quản lý RRTK riêng, một số NHTM tổ chức quản lý rủi ro chung trong đó có RRTK, một số NHTM có Ủy ban quản lý rủi ro, Hội đồng quản lý tài sản Nợ - tài sản Có, một số thiết lập thông tin quản lý, một số NHTM chưa có Phòng hoặc Ủy ban quản lý rủi ro.Trách nhiệm quản lý rủi ro thanh khoản chưa được quy định rõ ràng tại các bộ phận của NHTM như chi nhánh, Phòng giao dịch, bộ phận ngân quỹ, bộ phận/ phòng nguồn vốn...

2.3.4. Đo lường RRTK trong hệ thống NHTM Việt Nam

Về cơ bản, các NHTM Việt Nam tuân thủ thực hiện theo quy định tại thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 và Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27 tháng 05 năm 2016.

Đáng chú ý là một số NHTM đã bước đầu mô hình hóa việc xác định luồng vốn vào - luồng vốn ra, dự báo trạng thái thanh khoản ròng cho các kỳ hạn thông qua các kịch bản trong tương lai dựa trên các giả định tương đối xác đáng. Đo lường mức độ RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam theo phương pháp tiếp cận chỉ số thanh khoản.

Đo lường RRTK trong hệ thống NHTM Việt Nam với 2 mô hình là: Kiểm định độ căng (Stress test) và cảnh báo sớm. Mô hình cảnh báo sớm, kiểm định độ căng tress Test thì NHNN đang thử nghiệm cả 2 mô hình, 10 NHTM áp dụng Basel 2 đã và đang sử dụng thí điểm mô hình stress test. Song thực tế, chuỗi số liệu xác định mô hình này không đảm bảo chất lượng, kết quả mô hình rất khó để xác định trạng thái RRTK của NHTM.

Hiện nay, NHNN đa mục tiêu gồm cả hỗ trợ tăng trưởng phát triển kinh tế nên việc bơm hút tiền của NHTW không phản ánh đúng tình hình căng thẳng thị trường ngân hàng. Do đó, dữ liệu liên quan đến cung tiền không hỗ trợ chạy mô hình, cho nên không thể này ứng dụng được 02 mô hình trên cho nền kinh tế Việt Nam và hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Điều kiện dể áp dụng mô hình cảnh báo sớm và mô hình kiểm định độ căng khi NHNN hoạt động độc lập và theo đuổi chỉ một mục tiêu duy nhất là kiềm chế lạm phát và bảo vệ an toàn hệ thống Ngân hàng.

2.3.5. Kiểm soát tình trạng thanh khoản: thực hiện quy trình quy trình quản lý thanh khoản định kỳ và theo ngày.

2.3.6. Phòng ngừa RRTK: các NHTM lập dự trữ thanh khoản và sử dụng chiến lược TSN và đề ra các giải pháp kế hoạch xử lý RRTK với từng tình huống thanh khoản cụ thể.

**2.4. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM (2007 – 2015)**

**2.4.1. Những kết quả tích cực về quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam**

(i) Hầu hết các NHTM đều tuân thủ các quy định của NHNN về tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu (CAR), các tỷ lệ về khả năng chi trả thanh khoản, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, cơ cấu nguồn vốn. (ii) Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh về quản lý RRTK được bổ sung hoàn thiện ngày càng đầy đủ và đồng bộ. (iii)NHNN ngày càng quan tâm hơn đến vấn đề rủi ro thanh khoản tại từng NHTM. (iv) Kết quả quản trị RRTK tại các NHTM và quản lý RRTK của NHNN trong giai đoạn 2007 – 2015 đã ngăn chặn, khắc phục được những khó khăn, nguy cơ mất khả năng chi trả và khả năng thanh toán của các NHTM yếu kém và bảo đảm an toàn cho toàn hệ thống các NHTM Việt Nam, cải thiện được khả năng thanh khoản của các NHTM Việt Nam. (v)NHNN đã sử dụng công cụ thị trường mở khá linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản của các NHTM Việt Nam. (vi) Các NHTM đã ban hành khá đầy đủ các quy định nội bộ liên quan đến quản trị RRTK theo đúng quy định do NHNN ban hành và theo định hướng tiếp cận ngày càng gần với các chuẩn mực quốc tế về quản trị RRTK. (vii) Hầu hết tất cả các NHTM Việt Nam hiện nay đều thành lập ủy ban ALCO và áp dụng hệ thống điều chuyển định giá vốn nội bộ FTP.

**2.4.2. Những mặt tồn tại hạn chế về quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam**

(i) Chất lượng nguồn nhân lực làm công việc quản trị rủi ro thanh khoản còn chưa đồng đều và chưa đáp ứng kịp thời với các yêu cầu đổi mới liên tục trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. (ii) Kết quả tái cơ cấu hoạt động NHTM nói chung, xử lý nợ xấu và tái cơ cấu Tài sản Nợ - Tài sản Có vẫn chưa cải thiện được chất lượng TSN – TSC đáp ứng yêu cầu của an toàn thanh khoản. (iii) Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của các NHTM vẫn chưa hoàn toàn theo hướng hiện đại và chưa đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế. (iv) Công tác quản lý rủi ro thanh khoản tại các NHTM còn mang tính thụ động, ngắn hạn, chưa quan tâm đến việc xây dựng một hệ thống cảnh báo sớm đối với rủi ro thanh khoản để có những biện pháp ứng phó kịp thời. (v) Một số NHTM với những khó khăn và yếu kém trong nhiều năm liên. (vi) Sự phối hợp giữa các bộ phận, giữa trụ sở với các chi nhánh trong triển khai thực hiện quản trị rủi ro thanh khoản còn chưa nhịp nhàng, chưa phát huy được sức mạnh của bản thân các ngân hàng, tại một số NHTM các chi nhánh chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề quản trị rủi ro thanh khoản. (vii) Hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là hệ thống quản trị rủi ro thanh khoản còn chưa được quan tâm đúng mức. (viii) Hiện nay, NHNN chưa ban hành và áp dụng chỉ số đo lường RRTK hệ thống NHTM để đo lường toàn bộ hệ thống NHTM Việt Nam để có cơ sở cho việc phòng ngừa và quản lý RRTK hiệu quả tốt nhất.

**2.4.3. Nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến thực trạng quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam**

Áp lực tăng trưởng tín dụng, quy mô tài sản, lợi nhuận của các chủ sở hữu còn lớn, làm mất cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn dẫn đến RRTK thường trực phát sinh, các NHTM hầu hết ưu tiên nâng cao khả năng sinh lời hơn ưu tiên cho mức độ an toàn trong thanh khoản. Chất lượng, hiệu quả công tác quản lý RRTK tại NHTM còn nhiều bất cập. Chất lượng nguồn nhân lực trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản còn nhiều yếu. Chiến lược về quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam còn hạn chế. Thị trường tài chính ở Việt Nam chưa phát triển, các công cụ tài chính chưa đa dạng. Năng lực kiểm tra, giám sát của các NHTM vẫn còn yếu. Thiếu những nguồn thông tin đa dạng, chính xác về tình hình tài chính doanh nghiệp đã khiến cho việc sử dụng vốn NHTM chưa đạt hiệu quả cao.

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Chương 2 tập trung phân tích, phản ánh, đánh giá thực trạng công tác quản lý RRTK của hệ thống NHNN Việt Nam trong giai đoạn 2007- 2015. Thực tế cho thấy quản lý RRTK có những cập nhật và thay đổi trong khung pháp lý quản lý RRTK của các NHTM Việt Nam. Việc quản lý RRTK dần được chuẩn hóa và đánh giá trên nhiều chỉ tiêu theo đúng quy định của NHNN ban hành. Tác giả đã đánh giá những kết quả tích cực và những mặt tồn tại hạn chế trong quản lý RRTK tại các NHTM cũng như của cả hệ thống NHTM Việt Nam, tác giả đã rút ra những đánh giá chung về RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam thông qua việc chỉ ra những nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến thực trạng quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam.

**CHƯƠNG 3****: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ** **RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM**

**3.1. ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

**Định hướng chiến lược phát triển hệ thống ngân hàng đến2020.** Theo Quyết định số112/2006/QĐ -TTg ngày 24/05/2006 về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Theo văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII phần phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và Căn cứ chỉ thị số 05/CT – NHNN về triển khai Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai tại Nghị quyết số 19 – 2016/NQ – CP ngày 28/4/2016, Nghị quyết số 35/NQ – CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, kế hoạch hành động của ngành ngân hàng với 3 mục tiêu: hỗ trợ Nhà nước trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, trợ lực cho doanh nghiệp phát triển.

Theo đó, ngành ngân hàng sẽ phải nỗ lực góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020. Phương châm hành động của các TCTD là: “**An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững - Hội nhập quốc tế**”.

Trên cơ sở những định hướng chiến lược phát triển hệ thống NHTM đến năm 2020 và thông qua việc nghiên cứ kinh nghiệm quốc tế trong việc quản lý RRTK và đánh giá thực trạng RRTK của hệ thống NHTM giai đoạn 2007 – 2015 tác giả nhận thấy các định hướng quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam như sau:

- Hệ thống NHTM chủ động xây dựng chính sách khung về quản lý RRTK, thiết lập các các quy trình cụ thể nhằm xác định, đo lường, kiểm soát các RRTK có thể xảy ra. Các NH cần có được khả năng dự báo với độ chính xác các luồng tiền vào, luồng tiền ra, đặc biệt là các luông tiền liên quan đến các cam kết ngoại bảng và các cam kết nghĩa vụ tài sản nợ để chủ động đưa ra kế hoạch hành động trong các tình huống rủi ro thanh khoản bất ngờ.

- Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý RRTK của hệ thống NHTM, xây dựng chiến lược và quy trình xử lý RRTK cho toàn bộ hệ thống NHTM Việt Nam.

- NHNN có những cơ chế(tái cấp vốn, tái chiết khấu), chính sách cần thiết (chính sách lãi suất, tỷ giá, ….) hợp lý và kịp thời để đảm bảo và hỗ trợ thanh khoản của các NHTM.

- Lành mạnh hóa và nâng cao một cách nhanh chóng và căn bản năng lực tài chính của hệ thống NHTM Việt Nam để đảm bảo các NHTTM có đủ năng lực tài chính về quy mô và chất lượng để đạt hệ số vốn an toàn tối thiểu.

- Nâng cao năng lực quản trị điều hành hoạt động của hệ thống NHTM Việt Nam.Các NHTM cần thực hiện tốt quản lý rủi ro lãi suất khe hở lãi suất, quản lý rủi ro kỳ hạn; thị trường REPO, SWAP; Forward; Future… Tăng cường khả năng nghiên cứu và phân tích kinh tế để phòng ngừa từ xa rủi ro thanh khoản.Hệ thống NHTM Việt Nam xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản hợp lý.

- Xây dựng quy trình phân tích mức độ thanh khoản của hệ thống NHTM, của các chi nhánh NHTM, thay đổi hệ thống tính toán thanh khoản theo hạn mức cố định hiện nay bằng việc tính thanh khoản theo luồng chu chuyển trong hoạt động cấp tín dụng.

**3.2. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA HỆ THỐNG NHTM VIỆT NAM**

**3.2.1. Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro, quản lý thanh khoản trên cơ sở xây dựng bản đồ chiến lược kinh doanh của các NHTM, mô hình chiến lược quản lý thanh khoản.**

Xây dựng mô hình chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản cần xây dựng chuẩn với hệ thống NHTM Việt Nam với các nội dung:

3.2.1.1. Nhận diện, đo lường, kiểm soát rủi ro thanh khoản

3.2.1.2. Thiết lập hệ thống hạn mức quản lý rủi ro thanh khoản, Quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ thực sự có hiệu quả

3.2.1.3. Giám sát, đánh giá và xử lý rủi ro thanh khoản

**3.2.2. Nâng cao công tác phòng ngừa sự cố, phát hiện kịp thời các dấu hiệu cảnh báo và ứng phó khủng khoảng thanh khoản hiệu quả**

- Giải pháp bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin công bố; Giải pháp tài chính & thanh khoản; Giải pháp cập nhật và tiếp cận thông tin; Giải pháp tổ chức cung cấp thông tin minh bạch các thông tin về hoạt động ngân hàng theo quy định; Giải pháp bảo mật thông tin nội bộ; Giải pháp tăng cường quan hệ hợp tác; Giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực, thời gian làm việc của CBNV khi xảy ra khủng khoảng, để đảm bảo đủ nguồn nhân lực khi sự cố xảy ra hoặc đảm bảo hoạt động thông suốt, yêu cầu.

- Trách nhiệm ứng phó khủng khoản thanh thoản với từng cấp độ: Phương án xử lý cấp độ 1; Phương án xử lý đối với cấp độ 2; Các phương án xử lý đối với cấp độ 3.

**3.2.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao về quản lý thanh khoản**

(i) Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực một cách toàn diện, từng bước nâng cao chất lượng nhân lực một cách đồng đều và vững chắc theo hướng vừa chuyên sâu, vừa tổng hợp, có khả năng cạnh tranh cao, luôn hướng tới khách hàng. Vì vậy trước mắt, cần phát triển và đào tạo nguồn nhân lực các NHTM trong hệ thống NHTM cần tiến hành đồng loạt trên các mặt như sau: Đối với tuyển chọn mới; Đào tạo trong nước; Có kế hoạch đào tạo lại nhằm cập nhật các yêu cầu và nghiệp vụ mới, đào tạo tại chỗ kết hợp với việc cử đi đào tạo, đào tạo chuyên môn và đào tạo chuyên sâu. Xác định nhóm cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt gửi đi đào tạo tại nước ngoài theo các chương trình, nội dung phù hợp với hoạt động của ngân hàng mình.

(ii) Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, chuyên sâu đối với từng lĩnh vực hoạt động, từng sản phẩm, dịch vụ mới bằng nhiều hình thức .

(iii) Cơ cấu lại, sắp xếp, bố trí cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm thực tế phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh trước mắt cũng như lâu dài, đánh giá nhân viên gắn liền với tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, lấy hiệu quả công việc là thước đo chủ yếu, đồng thời trẻ hóa đội ngũ lao động qua tuyển dụng.

**3.2.4. Hệ thống NHTM Việt Nam bổ sung hoàn thiện các quy định nội bộ liên quan đến quản trị RRTK theo hướng chuyên nghiệp và lộ trình hội nhập quốc tế về chuẩn mực quản trị RRTK**

(i) Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động, quản trị, điều hành, cơ cấu lại và xử lý nợ xấu, tập trung nguồn lực và biện pháp để xử lý nợ xấu, kiềm chế nợ xấu gia tăng, đặc biệt là sử dụng dự phòng rủi ro, xử lý tài sản bảo đảm, bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, VAMC nhằm phấn đấu duy trì bền vững tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống dưới 3%.

(ii) Chấp hành nghiêm các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; tiếp tục triển khai phương án cơ cấu lại, xử lý nợ xấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong quá trình cơ cấu lại, xử lý nợ xấu. Triển khai xây dựng phương án cơ cấu lại cho giai đoạn 2016-2020.

(iii) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(iv) Nâng cao hiệu quả nghiệp vụ: nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro về khả năng chi trả, thanh khoản; các tiêu chí cảnh báo sớm về rủi ro thiếu hụt khả năng chi trả, thanh khoản và các phương án xử lý.

**3.2.5. Tăng cường năng lực tài chính của các NHTM đảm bảo hệ số an toàn vốn theo chuẩn mực thông lệ quốc tế**

NHTM Việt Nam hiện nay thực hiện các giải pháp sau đây để tăng cường năng lực tài chính và đảm bảo hệ số an toàn vốn: (i) Thông qua tích tụ vốn. (ii) Thông qua bổ sung vốn từ ngân sách nhà nước. (iii) Thông qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. (iv) Thông qua hoạt động M&A.

**3.2.6. Tái cơ cấu kỳ hạn nguồn vốn phù hợp với kỳ hạn sử dụng vốn để giảm thiểu RRTK**

- Để tái cơ cấu kỳ hạn nguồn vốn phù hợp với kỳ hạn sử dụng vốn giảm thiểu RRTK hệ thống NHTM cần phải:

(i) Đa dạng hóa các kỳ hạn huy động vốn. (ii) Xây dựng chiến lược marketing phù hợp nhằm tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các tiện ích của sản phẩm dịch vụ của NHTM hiện có đến đông đảo khách hàng. (iii) Các NHTM ngoài quan tâm đến những người gửi tiền có giá trị lớn cần đẩy mạnh huy động những món tiền gửi giá trị nhỏ tạo ra nguồn vốn bền vững cho ngân hàng; (iv) Nâng cao tỷ trọng tiền gửi của dân cư và tiền gửi thanh toán thông qua việc tăng cường các hoạt động khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, marketing… (v) Duy trì dự trữ sơ cấp, thứ cấp ở mức độ hợp lý, đủ để đảm bảo tính thanh khoản. (vi) Tranh thủ các nguồn vốn nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn trung, dài hạn và nguồn vốn tài trợ thông qua đẩy mạnh quan hệ quốc tế song phương, đa phương với các định chế tài chính cả trong nước và nước ngoài.

- Đồng thời, hệ thống các NHTM cần phải sử dụng vốn thông qua cấp tín dụng cho khách hàng với chất lượng cao giảm thiểu RRTK thông qua việc:

(i) Tăng trưởng tín dụng phù hợp, tập trung ưu tiên đảm bảo vốn cho phát triển doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ cho vay bất động sản, chứng khoán và nâng cao chất lượng tín dụng. (ii) Thực hiện đầu tư tín dụng có chọn lọc khách hàng, có trọng điểm và thực hiện tốt các chương trình của Chính Phủ và Ngân hàng trung ương, thẩm định tốt trước khi cho vay tránh rủi ro cho ngân hàng. (iii) Giám sát tổng thể danh mục tín dụng để có thể phát hiện ra những rủi ro tập trung. (iv) Tổ chức rà soát, kiểm tra, giám sát khoản nợ xấu cao, chỉ đạo kiên quyết các giải pháp nhằm giảm thấp tỷ lệ nợ xấu. (v) Tăng cường giám sát đối với khách hàng có dấu hiện rủi ro, những khoản cho vay lớn, tập trung.

**3.2.7. Tăng cường các hợp tác liên kết giữa các NHTM tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trong huy động vốn và cho vay để không tạo ra những cú sốc trên thị trường tiền tệ ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng**

Giải pháp tăng cường các hợp tác liên kết giữa các NHTM tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trong huy động vốn và cho vay để không tạo ra những cú sốc trên thị trường tiền tệ ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng là: Nên tiếp tục củng cố và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Hiệp hội ngân hàng, bảo đảm thực sự đây là một tổ chức Hội có sứ mệnh liên kết sức mạnh giữa các NHTM, thể hiện tiếng nói chung, đồng thuận giữa các NHTM trong nước.

**3.2.8. Ứng dụng các công nghệ thiết bị hiện đại và các phần mềm công nghệ thông tin hiện đại**

3.2.8.1. Ứng dụng các công nghệ thiết bị hiện đại để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng

3.2.8.2. Ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin hiện đại để nâng cao năng lực quản lý rủi ro thanh khoản

**3.2.9. Chuyển đổi tập quán quản trị rủi ro**

Việc triển khai Basel III là thực hiện quản lý vốn trên cơ sở rủi ro, là một cấu phần của chiến lược kinh doanh tổng thể của ngân hàng, do đó việc triển khai Basel III có thể làm thay đổi phương thức kinh doanh của ngân hàng khi mà các quyết định kinh doanh phải dựa trên đánh giá rủi ro. Việc thay đổi này không chỉ đối với khối quản trị rủi ro của ngân hàng mà đòi hỏi có sự tham gia sâu của lãnh đạo cấp cao trong chiến lược kinh doanh chung của ngân hàng và có sự tham gia toàn diện của tất cả các bộ phận khác như bộ phận kinh doanh, tài chính, IT, nhân sự, đào tạo, truyền thông, vận hành...

**3.3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN TỪ PHÍA NHNN**

3.3.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý, ổn định môi trường kinh doanh

3.3.2. Lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng thông qua việc cải tổ, củng cố lại hệ thống ngân hàng, NHNN cần quán triệt hơn nữa trong việc kiên quyết thực hiện đề án tái cấu trúc hệ thống ngân hàng.

3.3.3. Bổ sung các yêu cầu về tỷ lệ thanh khoản an toàn (LCR) và chỉ số tỷ lệ vốn ổn định ròng (NSFR) để đo lường rủi ro thanh khoản của từng NHTM và hệ thống NHTM Việt Nam

3.3.4. NHNN cần có chủ trương và quan tâm đến việc xây dựng và ứng dụng bộ chỉ số rủi ro thanh khoản hệ thống cho hệ thống NHTM Việt Nam

3.3.5. Tiếp tục triển khai chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại NHNN về nghiệp vụ quản lý RRTK đáp ứng được yêu cầu, trình độ, năng lực chuyên môn

3.3.6. Thúc đẩy thị trường tài chính tiền tệ phát triển

3.3.7. Hoàn thiện khung pháp lý để áp dụng thành công quy định trong Hiệp ước Basel II & III tại hệ thống NHTM Việt Nam

3.3.8. Tăng cường công tác thanh tra giám sát ngân hàng và dự báo thị trường tài chính ngân hàng

**3.4. KIẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ VÀ NGÀNH LIÊN QUAN**

3.4.1. Bảo hiểm tiền gửi nên tham gia vào quá trình tái cơ cấu ngân hàng

3.4.2. Phối hợp chặt chẽ và tạo ra một hệ thống kết nối thông tin chuẩn mực giữa NHNN với các NHTM, giữa các Bộ, ngành với NHNN và NHTM.

3.4.3. Tòa Án nhân dân, Tổng cục thi hành án và Bộ công an cùng hỗ trợ hợp tác để công tác xử lý nợ xấu có tính khả thi cao

3.4.4. Chính phủ cơ cấu nền kinh tế, thúc đẩy thị trường phát triển, nâng cao năng lực doanh nghiệp cùng các chính sách vĩ mô khác để nợ xấu được xử lý hiệu quả hơn trong thời gian tới.

3.4.5. Cần phải hoàn thiện cơ sở pháp lý, thể chế, hạ tầng thị trường chứng khoán và phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp tạo ra kênh huy động vốn trung dài hạn cho doanh nghiệp để giảm áp lực vay vốn của NHNH.

**TÓM TẮT CHƯƠNG 3**

Chương 3 đã khái quát định hướng phát triển hệ thống NHTM Việt Nam, định hướng liên quan đến điều hành và quản lý RRTK của NHNN VN. Luận án đã đề xuất, kiến nghị một hệ thống giải pháp toàn diện, đồng bộ để nâng cao năng lực quản lý thanh khoản ở các NHTM Việt Nam phù hợp với những nguyên tắc, chuẩn mực thông lệ tiên tiến của thế giới và thực tiễn Việt Nam. Giải pháp đề xuất bao gồm: Giải pháp nâng cao năng lực quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam và giải pháp quản lý RRTK từ phía NHNN. Đồng thời, Luận án đưa ra một số kiến nghị với Chính Phủ, Bộ, ngành liên quan nhằm hoàn thiện môi trường pháp lý, khắc phục được sự bất cập về chính sách cơ chế quản lý thanh khoản của NHNN, góp phần tích cực khắc phục được các tồn tại, yếu kém trong quản lý rủi ro thanh khoản hiện hành của các NHTM Việt Nam.

**KẾT LUẬN**

Đối chiếu với mục đích nghiên cứu được nêu trong phần mở đầu, luận án về ***“Quản lý rủi ro thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam”*** đã hướng tới các kết quả sau:

1. Luận án tổng hợp lý luận về công tác quản lý RRTK, nghiên cứu kinh nghiệm của NHTM, NHTW một số nước về quản lý RRTK qua đó rút ra bài học mà NHTM và NHNN VN có thể nghiên cứu và vận dụng.

2. Tập trung phân tích, đánh giá thực trạng, kết quả và tồn tại trong hoạt động quản lý RRTK của NHTM và NHNN chủ yếu trong giai đoạn từ 2007-2015.

3. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận cũng như phân tích thực trạng, luận án đã đưa ra một số giải pháp (8 giải pháp từ phía NHTM, 8 giải pháp từ phía NHNN VN) và kiến nghị (với Chính phủ, Bộ, ngành liên quan nhằm góp phần nâng cao năng lực quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam.

Luận án đưa ra các giải pháp đối với NHTM và NHNN, những đề xuất với Chính phủ, các Bộ và ngành liên quan tạo điều kiện phối kết hợp để nâng cao năng lực quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam để góp phần nâng cao năng lực quản lý RRTK đối với hệ thống NHTM Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Những giải pháp được triển khai một cách đồng bộ sẽ góp phần hoàn thiện môi trường pháp lý, lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng, thúc đẩy thị trường tài chính phát triển, nâng cao năng lực tài chính của các NHTM, hiện đại hóa công nghệ, nâng cao trình độ quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, góp phần nâng cao năng lực quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Tác giả hy vọng rằng với những kết quả trên, Luận án sẽ góp phần hoàn thiện công tác Quản lý RRTK của hệ thống NHTM Việt Nam, xây dựng một góc nhìn tổng quan, toàn diện về thực trạng và đánh giá mức độ phát triển công tác quản lý RRTK từ đó tạo cơ sở khoa học, điều kiện thực tiễn cho việc đề xuất hệ thống các giải pháp an toàn và hiệu quả trong thời gian tới.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực hoàn thiện luận án này, do hạn chế về nguồn số liệu và năng lực nghiên cứu nên luận án không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được ý kiến nhận xét, đánh giá và góp ý của các nhà khoa học, thầy cô giáo để luận án hoàn chỉnh hơn và tác giả có thể có được những hiểu biết, kiến thức sâu rộng hơn về chuyên ngành nghiên cứu.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

**Tiếng Việt:**

1. Vũ Quang Huy, Nguyễn Trọng Tài (2008): “Kinh nghiệm các nước trong phòng ngừa và xử lý rủi ro tín dụng”, Tạp chí KH và ĐT Ngân hàng số 71/ tháng 4 năm 2008.

2. Vũ Quang Huy (2011): “Tác động của Nghị quyết 11 Chính phủ tới hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam”, Tạp chí nghiên cứu kinh tế số 11 tháng 11 năm 2011.

3. Vũ Quang Huy (2011): “Hội nhập kinh tế quốc tế và những vấn đề đặt ra trong quản lý rủi ro thanh khoản ở các Ngân hàng thương mại Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Chính sách tiền tệ phối hợp với các chính sách vĩ mô khác trong điều kiện kinh tế thế giới biến động, nhà xuất bản giao thông vận tải phát hành ngày 18/11/2011.

4. Vũ Quang Huy, Nguyễn Trọng Tài (2011): “Ổn định lãi suất thị trường- một nhân tố quan trọng nhằm bảo đảm an toàn kinh doanh trong hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Chính sách tiền tệ phối hợp với các chính sách vĩ mô khác trong điều kiện kinh tế thế giới biến động, nhà xuất bản giao thông vận tải phát hành ngày 18/11/2011.

5. Vũ Quang Huy (2014), thành viên tham gia đề tài nghiên cứu Nhánh cấp nhà nước - Mã số KX.01/11-15, “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nợ công và khủng khoản nợ công”* thuộc đề tài *“ Khủng khoảng nợ công ở một số nước liên minh châu Âu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”.*

6. Vũ Quang Huy (2014), thành viên tham gia đề tài nghiên cứu Nhánh cấp nhà nước – Mã số KX.01/11-15, *“Nợ công ở Việt Nam hiện nay, tác động và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam từ khủng khoảng nợ công ở một số nước EU*” thuộc đề tài *“Khủng khoảng nợ công ở một số nước liên minh châu Âu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”.*

7. Vũ Quang Huy (2016): *“Tác động của nợ công tới rủi ro thanh khoản tới hệ thống ngân hàng – một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”,* Tạp chí KH và ĐT Ngân hàng số 171/ tháng 8 năm 2016.

8. Vũ Quang Huy (2016): *“Kiểm soát rủi ro tín dụng - kinh nghiệm các nước và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”,* Tạp chí KH và ĐT Ngân hàng số 173/ tháng 10 năm 2016.